

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**Phụ lục 02****ĐỀ XUẤT DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIÁNG VIÊN THỈNH GIẢNG ĐỦ TIÊU CHUẨN
THAM GIA GIÁNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HẠNG III***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
I. Trung ương														
A. Danh sách giảng viên														
1	Nguyễn Hữu Cường	01/8/1982		Trưởng bộ môn, Giảng viên chính	Khoa Quản lý đất đai, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh	V.07.01.02	12 năm	Tiến sĩ	Kinh tế	TC	GVC, CVC	NVSP	Kiến thức chuyên ngành địa chính viên hạng III	Giáo trình liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai do Nhà trường biên soạn
2	Đỗ Minh Tuấn	10/6/1967		Trưởng khoa, Giảng viên	Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh	V.07.01.03	18 năm	Tiến sĩ	Trắc địa thiên văn	TC	GVC, CVC	NVSP	Kiến thức chuyên ngành đo đạc bản đồ viên hạng III	Giáo trình liên quan đến chuyên ngành trắc địa do Nhà trường biên soạn
3	Nguyễn Văn Khánh	05/7/1977		Phó Giám đốc; Trưởng bộ môn; Giảng viên	Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ tài nguyên và môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh	V.07.01.03	11 năm	Tiến sĩ	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	TC	GVC, CVC	NVSP	Kiến thức chuyên ngành đo đạc bản đồ viên hạng III	Giáo trình liên quan đến lĩnh vực môi trường do Nhà trường biên soạn
4	Hồ Ngọc Vinh	13/4/1983		Trưởng khoa, Giảng viên	Khoa Luật và Lý luận chính trị, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh	V.07.01.03	12 năm	Tiến sĩ	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	TC	GVC, CVC	NVSP	Kiến thức quản lý nhà nước	Sách tham khảo về lý luận chính trị do Nhà trường biên soạn

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
5	Lê Văn Tình	08/6/1977		Phó Trưởng khoa	Khoa Quản lý đất đai, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh	V.07.01.03	13 năm	Tiến sĩ	Địa lý	TC	GVC, CVC	NVSP	Kiến thức chuyên ngành đo đạc bản đồ viên hạng III	Giáo trình liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai do Nhà trường biên soạn
6	Trần Thành Lê	22/10/1981		Giảng viên chính	Khoa Tài nguyên nước, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	V.07.01.02	14 năm	Tiến sĩ	KH trái đất	TC	GVC, CVC	NVSP	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III	Giáo trình liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước do Nhà trường biên soạn
7	Bùi Thị Thùy		28/01/1987	Giảng viên	Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	V.07.01.03	10 năm	Thạc sĩ	KH máy tính	TC	GVC, CVC	NVSP	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III	Giáo trình liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin do Nhà trường biên soạn
8	Vũ Ngọc Phan	31/10/1986		Giảng viên	Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	V.07.01.03	11 năm	Thạc sĩ	Bản đồ, viễn thám và hệ TT địa lý	TC	GVC, CVC	NVSP	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III	Giáo trình liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin do Nhà trường biên soạn
9	Bùi Thu Phương		9/1/1983	Giảng viên	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	07.01.02	10 năm	Tiến sĩ	Địa lý tự nhiên	TC	GVC, CVC	NVSP	Nhóm đo đạc bản đồ viên hạng III	Giáo trình liên quan đến lĩnh vực đo đạc bản đồ do Nhà trường biên soạn
10	Phạm Quang Phương	21/12/1972		Phó trưởng Bộ môn Luật	Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	V.07.01.02	20 năm	Thạc sĩ	Luật học	CC	GVC, CVC	NVSP	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III	Sách tham khảo về lý luận chính trị do Nhà trường biên soạn
11	Lương Thanh Thạch	9/10/1984		Giảng viên	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	07.01.02	14 năm	Tiến sĩ	Trắc địa - bản đồ	CC	GVC, CVC	NVSP	Nhóm Đo đạc bản đồ viên hạng III	Giáo trình liên quan đến lĩnh vực đo đạc bản đồ do Nhà trường biên soạn

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
12	Nguyễn Thị Chiên		11/1/1973	Giảng viên	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	07.01.02	22 năm	Thạc sĩ	Lý luận ngôn ngữ	CC	GVC, CVC	NVSP	Kỹ năng hoạt động nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp của viên chức ngành TNMT	Sách tham khảo về lý luận chính trị do Nhà trường biên soạn
13	Nguyễn Thị Hải Yến		3/29/1977	Giảng viên	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	07.01.02	18 năm	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	CC	GVC, CVC	NVSP	Nhóm địa chính viên hạng III	Giáo trình liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai do Nhà trường, do Bộ Tài nguyên và Môi trường biên soạn
14	Nguyễn Thị Nga		11/15/1986	Giảng viên	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	07.01.02	11 năm	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	TC	GVC, CVC	NVSP	Nhóm Địa chính viên hạng III	Giáo trình liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai do Nhà trường biên soạn
15	Phạm Thị Mai		11/11/1985	Giảng viên	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	07.01.02	16 năm	Thạc sĩ	Địa lý tự nhiên	TC	GVC, CVC	NVSP	Nhóm địa chính viên hạng III	Giáo trình liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai do Nhà trường biên soạn
16	Trần Văn Doanh	3/9/1981		Giảng viên	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	07.01.02	19 năm	Thạc sĩ	Khoa học môi trường	TC	GVC, CVC	NVSP	Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III	Giáo trình liên quan đến lĩnh vực điều tra tài nguyên và môi trường do Nhà trường biên soạn
B. Danh sách giảng viên thỉnh giảng														
1	Bùi Ngọc Tuấn	12/19/1955		Nguyên Cục trưởng	Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất, Tổng cục Quản lý đất đai.	Chuyên gia	30 năm	Kỹ sư	Kinh tế	CC	CVCC		Nhóm Địa chính viên hạng III	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
2	Giang Đức Chung	19/7/1972		Phó vụ trưởng	Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tài nguyên và Môi trường	01.001	27 năm	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	CC	CVCC		Các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường; Chương trình bồi dưỡng dành cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp huyện, cấp Sở thuộc chuyên ngành tài nguyên và môi trường	
3	Nguyễn Thị Thùy		31/01/1978	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tài nguyên và Môi trường	01.001	22 năm	Thạc sĩ	Địa chất	CC	CVCC		Các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường; Chương trình bồi dưỡng dành cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp huyện, cấp Sở thuộc chuyên ngành tài nguyên và môi trường	
4	Nguyễn Tuấn	12/12/1981		Giảng viên	Trường Cán bộ quản lý Văn hóa Thể thao và Du lịch.	Chuyên gia	15 năm	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	CC	CVC	NVSP	- Kỹ năng hoạt động nghề nghiệp - Kỹ năng làm việc nhóm	
5	Nguyễn Thị Phương Lan		12/25/1971	Giảng viên	Học viện Hành chính quốc gia	07.01.02	22 năm	Thạc sĩ	Quản lý hành chính công	CC	CVCC	NVSP	Nhà nước trong hệ thống chính trị	
6	Nguyễn Thị Thu Trang		26/9/1980	Giảng viên	Trường Cán bộ quản lý GTVT	15,111	18 năm	Thạc sĩ	Luật kinh tế - Quốc tế	CC	CVCC	NVSP	Nhà nước trong hệ thống chính trị	
7	Nguyễn Văn Quân	8/25/1972		Giảng viên	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	07.01.02	22 năm	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	CC	CVCC	NVSP	Nhóm địa chính viên hạng III	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
8	Nguyễn Văn Thảo	2/1/1959		Nguyên Trưởng phòng Chính sách và Quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ, thông tin địa lý	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Chuyên gia	15 năm	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ	TC	CVC		Nhóm đo đạc bản đồ viên hạng II	
9	Vũ Tiến Quang	4/14/1958		Nguyên Trưởng phòng Công nghệ Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Chuyên gia	Chuyên gia	Thạc sĩ	Trắc địa	TC	CVC		Nhóm đo đạc bản đồ viên hạng II	
11	Đàm Duy Ân	15/11/1975		Giảng viên	Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường	05.02.06	21 năm	Tiến sĩ	Môi trường	TC	CVC		Nhóm quan trắc viên hạng III	
12	Nguyễn Thị Kim Chi		6/8/1972	Giảng viên	Học viện Hành chính quốc gia	07.01.02	19 năm	Thạc sĩ	tin học	CC	CVCC	NVSP	Chuyên đề báo cáo Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp	
13	Phạm Hải Bằng	7/17/1979		Giảng viên	Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường	01.002	15 năm	Tiến sĩ	Môi trường	CC	CVCC		Nhà nước trong hệ thống chính trị	
14	Bùi Thị Hằng		25/8/1986	Trưởng khoa, khoa ĐTBĐ CMNV	Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường	01.003	13 năm	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	TC	CVC		Hướng dẫn viết thực hành hạng III	
15	Ngô Sỹ Cường	19/11/1977		Chủ tịch	Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam		22 năm	Tiến sĩ	Trắc địa ảnh và bản đồ viễn thám	CC	CVCC			Công nghệ quét laser 3D mặt đất trong lĩnh vực địa hình và phi địa hình

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
16	Phan Trường Duân	24/08/1972		Phó Vụ trưởng/Chuyên viên chính	Vụ Quản lý khí tượng thủy văn, Tổng cục Khí tượng Thủy văn	01.002	17 năm	Thạc sĩ	Biến đổi khí hậu	CC	CVC		Tập huấn nghiệp vụ công tác quản lý và vận hành mạng lưới quan trắc tài nguyên môi trường/ Chuyên đề Quản lý khai thác mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng.	
17	Hoàng Minh Toán	30/10/1978		Trưởng phòng/Dự báo viên KTTV hạng II	Phòng Khí tượng ra đa, Đài Khí tượng cao không, Tổng cục Khí tượng Thủy văn	V.06.03.07	19 năm	Thạc sĩ	Khí tượng và Khí hậu học	CC	Dự báo viên KTTV hạng II		Giảng dạy bộ môn Khí tượng ra đa tại Khoa Khí tượng thủy văn và hải dương học - Trường Đại học Khoa học tự nhiên; Tham gia bồi dưỡng, đào tạo lại phục vụ việc sát hạch, cấp chứng chỉ cho quan trắc viên tại các trạm ra đa thời tiết; Tham gia bồi dưỡng, tập huấn cho trưởng trạm các trạm Khí tượng do Trung tâm Quan trắc khí tượng thủy văn tổ chức; tham gia báo cáo chuyên đề 03 đề tài cấp bộ 2011-2013, 2015-2017, 2018-2021; hội thảo khoa học Khoa học KT cao không lần thứ V, VI, VII. Tham gia bồi dưỡng, tập huấn cho dự báo viên tại Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam, dự báo viên Đài KTTV KV đồng bằng Bắc bộ.	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
18	Nguyễn Đức Phương	09/03/1980		Phó Trưởng phòng/Dư báo viên KTTV hạng II	Phòng Khí tượng ra đa, Đài Khí tượng cao không, Tổng cục Khí tượng Thủy văn	V.06.03.07	19 năm	Thạc sĩ	Khí tượng và Khí hậu học	TC	Bồi dưỡng ngạch TMNT hạng II		Giảng dạy bộ môn Khí tượng ra đa tại Khoa Khí tượng thủy văn và hải dương học - Trường Đại học Khoa học tự nhiên; Tham gia bồi dưỡng, đào tạo lại phục vụ việc sát hạch, cấp chứng chỉ cho quan trắc viên tại các trạm ra đa thời tiết; Tham gia bồi dưỡng, tập huấn cho trường trạm các trạm Khí tượng do Trung tâm Quan trắc khí tượng thủy văn tổ chức; tham gia báo cáo chuyên đề 03 đề tài cấp bộ 2011-2013, 2015-2017, 2018-2021; hội thảo khoa học Khoa học KT cao không lần thứ VII	
19	Bùi Thị Hồng Trang		26/3/1987	Viên chức	Phòng Khí tượng ra đa, Đài Khí tượng cao không, Tổng cục Khí tượng Thủy văn	V.06.03.08	11 năm	Thạc sĩ	Khí tượng và Khí hậu học	TC	Dự báo viên KTTV hạng II		Tham gia các báo cáo chuyên đề: 03 đề tài cấp bộ 2011-2013, 2015-2017, 2018-2021; hội thảo khoa học Khoa học KT cao không lần thứ VII, hội thảo về khai thác sử dụng số liệu GSMAP tại Thái Lan, hội thảo về ra đa thời tiết siêu nhỏ X band và các lĩnh vực ứng dụng tại trường Đại học Thủy lợi	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
20	Nguyễn Đăng Quang	25/4/1978		Phó Giám đốc/Dự báo viên KTTV hạng III	Trung tâm Ứng dụng công nghệ KTTV, Tổng cục Khí tượng Thủy văn	V.06.03.08	15 năm	Tiến sỹ	Khí tượng- Khí hậu học	TC	Dự báo viên KTTV hạng II	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	<p>Dao động và biến đổi khí hậu (giảng dạy bằng tiếng Anh) cho sinh viên bậc Đại học trường ĐHTNMT</p> <p>Phương pháp Dự báo thời tiết và khí hậu (dành cho học viên cao học- Trường ĐHTNMT)</p> <p>Đổi lưu khí quyển; Khí tượng Synop phần 2 (Dành cho học viên cao học trường ĐH TNMT HN)</p> <p>Lập trình trong khí tượng (sinh viên bậc đại học, trường ĐH TNMT)</p>	
21	Lê Xuân Đức	17/05/1972		Trưởng phòng/Kiểm soát viên KTTV hạng II	Phòng Khí tượng, Trung tâm Quan trắc KTTV, Tổng cục Khí tượng Thủy văn	V.06.04.10	28 năm 10 tháng	Thạc sỹ	Khí tượng và khí hậu	TC	Dự báo viên KTTV hạng II		Đã tham gia chính soạn thảo QCVN Quan trắc Khí tượng bề mặt; Thông tư đánh giá chất lượng tài liệu Khí tượng	
22	Nguyễn Hồng Quang	18/5/1976		Vụ trưởng	Vụ Chính sách, Pháp chế và Thanh tra, Tổng cục Môi trường	01002	19 năm	ThS	Môi trường, CNLuật	Cao cấp	CVCC		Xây dựng văn bản pháp luật về BVMT, quy hoạch; tham gia xử lý các vấn đề môi trường	Tham gia Tổ soạn thảo Luật BVMT 2020
23	Nguyễn Thị Thu Hà		14/10/1970	Phó VT	Vụ Chính sách, Pháp chế và Thanh tra, Tổng cục Môi trường	01001	25 năm	ThS	Luật	Cao cấp	CVCC		Xây dựng triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường	Tham gia Tổ soạn thảo Luật BVMT 2021
24	Lê Thị Minh Ánh		8/5/1976	CVC	Vụ Chính sách, Pháp chế và Thanh tra, Tổng cục Môi trường	01002	23 năm	CN	Luật	Trung cấp	CVC		Xây dựng và phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường	Tham gia Tổ soạn thảo Luật BVMT 2022

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
25	Nguyễn Trung Thuận	15/2/1978		CVC	Vụ Chính sách, Pháp chế và Thanh tra, Tổng cục Môi trường	01002	16 năm	ThS	Môi trường	Cao cấp	CVC		Xây dựng văn bản pháp luật về BVMT, quy hoạch; tham gia xử lý các vấn đề môi trường	Tham gia Tổ soạn thảo Luật BVMT 2023
26	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh		17/01/1976	Phó Giám đốc	Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc, Tổng cục Môi trường	V06.05.13	18 năm	ThS	Môi trường, Biến đổi khí hậu	Cao cấp	QTV II		Tham gia giảng dạy chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức quan trắc viên TNMT hạng II, hạng III tại Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường	Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành quan trắc viên hạng III
27	Trần Phong	28/6/1965		Cục trưởng	Cục Bảo vệ môi trường miền Nam, Tổng cục Môi trường	01.002	29 năm	ThS	MT; Quản lý công	Cao cấp	CVCC		Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
28	Phạm Hồng Sơn	10/16/1972		Cục trưởng	Cục Bảo vệ môi trường miền Trung và Tây Nguyên, Tổng cục Môi trường	01.002	25 năm 9 tháng	ThS	Địa lý	Cao cấp	CVC	-	Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về TN&MT và định hướng phát triển ngành TN&MT; Am hiểu về ngành môi trường và công tác điều tra cơ bản về các chuyên ngành môi trường; Là lãnh đạo, quản lý và có ít nhất 15 năm công tác trong ngành môi trường	Tham gia tổ biên tập Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
29	Cù Hoài Nam	12/30/1971		Phó Cục trưởng	Cục Bảo vệ môi trường miền Trung và Tây Nguyên, Tổng cục Môi trường	01.002	25 năm 9 tháng	Thạc sĩ	Khoa học và Công nghệ môi trường	Cao cấp	CVC	-	Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về TN&MT và định hướng phát triển ngành TN&MT; Am hiểu về ngành môi trường và công tác điều tra cơ bản về các chuyên ngành môi trường.	Tham gia các Tổ soạn thảo Thông tư: ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường về bãi chôn lấp chất thải rắn; định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động quan trắc các thông số dioxin/furan trong nước thải, khí thải; quy chuẩn kỹ thuật môi trường về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ;

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
30	Chu Văn Thảo	10/5/1971		Trưởng phòng	Cục Bảo vệ môi trường miền Trung và Tây Nguyên, Tổng cục Môi trường	04.025	14 năm 3 tháng	ThS	Khoa học môi trường	Cao cấp	CVC	-	Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về TN&MT và định hướng phát triển ngành TN&MT; Am hiểu về ngành môi trường và công tác điều tra cơ bản về các chuyên ngành môi trường	
31	Phan Tiến Thành	10/15/1981		Chánh Văn phòng	Cục Bảo vệ môi trường miền Trung và Tây Nguyên, Tổng cục Môi trường	01.003	14 năm 4 tháng	ThS	Khoa học môi trường	Cao cấp	CVC	-	Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về TN&MT và định hướng phát triển ngành TN&MT; Am hiểu về ngành môi trường và công tác điều tra cơ bản về các chuyên ngành môi trường	Tham gia: xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phê liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; đề tài “Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm xây dựng kế hoạch phòng, chống ô nhiễm môi trường đối với cảng biển”.

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
32	Nguyễn Trường Huynh	12/17/1979		Trưởng phòng	Cục Bảo vệ môi trường miền Trung và Tây Nguyên, Tổng cục Môi trường	01.002	13 năm 4 tháng	Ths	Kỹ thuật môi trường	Cao cấp	CVC	-	Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về TN&MT và định hướng phát triển ngành TN&MT; Am hiểu về ngành môi trường và công tác điều tra cơ bản về các chuyên ngành môi trường.	Tham gia xây dựng Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản tại Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012
33	Chu Hồng Sơn	9/2/1976		Phó Vụ trưởng	Vụ Chính sách và Pháp chế, Tổng cục Quản lý đất đai	01.002	21 năm	Thạc sỹ	Quản lý đất đai	CC	CVC			Nghị định 01/2017/NĐ-CP Nghị định 148/2020/NĐ-CP
34	Trần Đình Hạnh	6/20/1962		Phó Cục trưởng	Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất, Tổng cục Quản lý đất đai	01.002	13 năm	Thạc sỹ	Quản lý đất đai	CC	CVC		Bồi dưỡng nghiệp vụ định giá đất	
35	Phạm Thị Thịnh		1/2/1970	Phó Cục trưởng	Cục đăng ký đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	01.002	21 năm	Thạc sỹ	Kinh tế và Quản lý địa chính	CC	CVCC		1. Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ 2. Hội nghị Văn phòng Đăng ký đất đai toàn quốc	
36	Nguyễn Đức Hùng	7/25/1976		Phó Giám đốc	Trung tâm Điều tra và Quy hoạch đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	V 06.01.02	21 năm	Thạc sỹ	Quản lý đất đai	CC	ĐCVC		Giảng dạy về quy hoạch	
37	Trần Văn Tiến	5/10/1976		Trưởng phòng	Cục đăng ký đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	01.002	16 năm	Kỹ sư	Quản lý đất đai	CC	CVC		1. Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ 2. Hội nghị Văn phòng Đăng ký đất đai toàn quốc	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
38	Nguyễn Khắc Thế	16/12/1978		Trưởng phòng	Cục đăng ký đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	01.002	12 năm	Thạc sĩ	Quản lý Khoa học-Công nghệ	CC	CVCC		1. Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ 2. Hội nghị Văn phòng Đăng ký đất đai toàn quốc	
39	Lê Minh Hạnh		17/10/1973	Phó Trưởng phòng	Cục đăng ký đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	01.002	26 năm	Thạc sĩ	Trắc địa ảnh	CC	CVC		1. Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ 2. Hội nghị Văn phòng Đăng ký đất đai toàn quốc	
40	Trần Phong Vũ	7/10/1985		Chuyên viên	Cục đăng ký đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai	01.003	09 năm	Thạc sĩ	Địa lý tự nhiên	TC	CVC		1. Đón tiếp đoàn công tác nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào- Giới thiệu về Hệ thống thông tin đất đai tại Việt Nam 2. Chương trình Hội thảo, Hội nghị năm 2020 Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai"- Hướng dẫn các điểm mới của Sổ tay Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai"	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
41	Nguyễn Văn Thắng	x		Viện trưởng, chuyên viên cao cấp	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	01.001	32 năm	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Khí tượng	Cao cấp	Chuyên Viên cao cấp	Vật lý khí quyển, khí tượng, khí hậu, biến đổi khí hậu	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khí hậu và biến đổi khí hậu Việt Nam 2. Hạn hán ở Việt Nam: Giám sát, cảnh báo và dự báo 3. Mô hình hóa khí hậu 4. Giáo trình vật lý khí quyển 5. Kịch bản biến đổi khí hậu nước biển dâng cho Việt Nam 6. Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu 7. Giáo trình Khí hậu đại cương 8. Gió mùa hoàn lưu khí quyển trên khu vực Đông Á và Việt Nam 9. Ứng dụng thông tin khí hậu và dự báo khí hậu phục vụ các ngành kinh tế - xã hội và phòng chống thiên tai ở Việt Nam 	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
42	Huỳnh Thị Lan Hương		x	Phó Viện trưởng, Nghiên cứu viên cao cấp	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	V.05.01.01	30 năm	Giáo sư, Tiến sĩ	Thủy văn - thủy lực	Cao cấp	Nghiên cứu viên cao cấp		Thủy văn, Môi trường, Địa lý, BDKH	<p>1. Tích hợp vấn đề biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội</p> <p>2. Các hành động giảm nhẹ khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA)</p> <p>3. Vận chuyển bùn cát và bồi lắng hồ chứa</p> <p>4. Kịch bản BĐKH và nước biển dâng 2016</p> <p>5. Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về Quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu (“SREX Việt Nam”)</p> <p>6. Đánh giá hiệu quả hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu (ISBN: 978-604-952-407-3)</p> <p>7. Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp ví dụ điển hình cho tỉnh Quảng Nam (ISBN: 978-604-952-491-</p>
43	Phạm Thị Thanh Nga		x	Phó Viện trưởng, Nghiên cứu viên chính	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	V.05.01.02	26 năm	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Khí tượng học, Môi trường	Cao cấp	Nghiên cứu viên chính	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học	Khoa học trái đất, Vật lý khí quyển, Khí tượng, Cảnh báo thiên tai	<p>1. Kịch bản Biến đổi khí hậu cho Việt Nam năm 2021</p> <p>2. Giáo trình: Khí tượng Vệ tinh</p>

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
44	Nguyễn Thế Chinh	x		Nguyên Viện trưởng Chuyên gia tư vấn	Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	01.001	35 năm	Phó Giáo sư, Tiến sỹ	Kế hoạch hoá vùng và đô thị, Địa lý Kinh tế	Cao cấp	Chuyên Viên cao cấp, chuyên gia tư vấn Chính sách và đào tạo tiến sỹ.	Chứng chỉ giảng dạy đại học của trường Kinh tế Quốc dân	<p>Địa lý Kinh tế</p> <p>2. Kinh tế - Quản lý Tài nguyên và Môi trường</p> <p>3. Kinh tế-kế hoạch hoá vùng và đô thị.</p> <p>4. Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường</p> <p>5. Phát triển bền vững, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Địa lý Kinh tế; 2. Giáo trình: “Kinh tế môi trường” 3. Sách: “Một số vấn đề cơ bản về Kinh tế và Quản lý môi trường”; 4. Sách: “Áp dụng công cụ Kinh tế để nâng cao năng lực Quản lý môi trường ở Hà nội”. 5. Sách: “Đô thị hoá và quản lý kinh tế đô thị ở Hà nội”. 6. Sách tuyển tập Hội nghị khoa học: “Tài nguyên và Môi trường” 7. Sách: “Mô hình Input – Output và những ứng dụng cụ thể trong phân tích, dự báo Kinh tế và môi trường” 8. Giáo trình: "Kinh tế và Quản lý môi trường". 9. Sách: "Kinh tế chất thải tài liệu dành cho các khóa đào tạo về quản lý tổng hợp chất thải".

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
45	Trần Thanh Thùy		x	Trưởng phòng	Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	V.05.01.02	19 năm	Tiến sĩ	Khoa học Trái đất	Cao cấp	Nghiên cứu viên chính (Hạng II)	Chứng chỉ dạy học đại học	Thủy văn, Tài nguyên nước, Biến đổi khí hậu	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo đánh giá khí hậu Quốc gia Kịch bản Biến đổi khí hậu cho Việt Nam năm 2021 Kịch bản Biến đổi khí hậu cho Việt Nam năm 2019 Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu
46	Đặng Quang Thịnh	x		Giám đốc	Trung tâm Nghiên cứu Biến đổi khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	V.05.01.02	21 năm	Tiến sĩ	Khoa học Trái đất	Cao cấp	Nghiên cứu viên chính (Hạng II)	Chứng chỉ dạy học đại học	Thủy văn, Tài nguyên nước, Biến đổi khí hậu	<ol style="list-style-type: none"> Bộ tiêu chí Giám sát và đánh giá Thích ứng với BĐKH; 2. Báo cáo đặc biệt về các cực đoan của Việt Nam (SREX)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
47	Nguyễn Thị Liễu		x	Trưởng phòng	Trung tâm Nghiên cứu Biến đổi khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	V.05.01.02	13 năm	Tiến sĩ	Địa lý tài nguyên và Môi trường	Trung cấp	Nghiên cứu viên chính (Hạng II)	Chứng chỉ dạy học đại học	Địa lý	<p>1. Measurement - Reporting - Verification (MRV) System for Climate Change responses in Vietnam. LAP LAMBERT Academic Publishing, OmniScriptum GmbH & Co. KG, Bahnhofstraße 28, 66111 Saarbrücken Germany, p. 265. ISBN: 978-620-4-20247-1.</p> <p>2. Dư địa chí huyện Tĩnh Gia</p> <p>3. Các vấn đề môi trường và phát triển bền vững vùng Trung bộ</p>
48	Nguyễn Văn Đại	x		Trưởng phòng	Trung tâm Nghiên cứu Biến đổi khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	V.05.01.03	20 năm	Thạc sĩ	Thủy văn học	Trung cấp	Nghiên cứu viên chính (Hạng II)		Thủy văn, Tài nguyên nước	Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu, NXB Tài Nguyên-Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2015

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
49	Đỗ Đình Chiến	x		Giám đốc	Trung tâm Tư vấn, Dịch vụ Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	V.05.01.02	30 năm	Tiến sĩ	Hải dương học	Cao cấp	Nghiên cứu viên cao cấp hạng I		Hải dương học	
50	Lương Quang Huy	08/4/1977		Trưởng phòng	Cục Biến đổi khí hậu	01.003	12 năm	Tiến sĩ	Khoa học môi trường	CC	CVC			
51	Nguyễn Văn Minh	08/02/1981		Trưởng phòng	Cục Biến đổi khí hậu	01.003	13 năm	Thạc sĩ	Biến đổi khí hậu	TC	CVC			
52	Hà Quang Anh	15/5/1981		Giám đốc Trung tâm	Cục Biến đổi khí hậu	01.003	15 năm	Tiến sĩ	Lâm nghiệp	TC	CVC			
53	Nguyễn Tiến Sỹ	31/07/1980		Phó Chánh Văn phòng	Cục Biến đổi khí hậu	01.002	16 năm	Thạc sĩ	Biến đổi khí hậu	TC	CVC			
54	Chu Thị Thanh Hương		01/11/1981	Trưởng phòng	Cục Biến đổi khí hậu	01.003	12 năm	Tiến sĩ	Kiểm soát và bảo vệ môi trường	TC	CVC			
55	Trần Văn Thảo	20/05/1964		Liên đoàn trưởng	Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	V.06.02.04	28 năm	Thạc sĩ	Địa chất thăm dò khoáng sản	CC	CVCC; Điều tra viên TNMT hạng II			Kỹ thuật lộ trình điều tra, đánh giá khoáng sản và thu thập tài liệu thực địa thuộc Đề án "Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản vùng Trung Trung Bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội"

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
56	Võ Quang Bình	01/01/1962		Phó Liên đoàn trưởng	Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	V.06.02.04	30 năm	Thạc sĩ	Địa chất thăm dò khoáng sản	CC	Điều tra viên TNMT hạng II		Phương pháp trọng sa, địa hoá đề án Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản vùng Trung Trung Bộ thuộc Đề án "Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản vùng Trung Trung Bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội"	
57	Dương Ngọc Tinh	14/02/1980		Phó Liên đoàn trưởng	Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	V.06.02.05	19 năm	Tiến sĩ	Địa chất thăm dò khoáng sản	CC	CVC; Điều tra viên TNMT hạng II		Tổng quan về Đề án Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản kim loại vùng Trung Trung Bộ thuộc Đề án "Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản vùng Trung Trung Bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội"	
58	Nguyễn Mạnh Hải	08/08/1978		Chủ nhiệm đề án	Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	V.06.02.05	21 năm	Thạc sĩ	Địa chất thăm dò khoáng sản	TC	Điều tra viên TNMT hạng II		Công tác thu thập, xử lý tài liệu khe nứt, đề án Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản đá khối làm ốp lát vùng Trung Trung Bộ	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
59	Lê Thành Huy	10/04/1985		Chủ nhiệm đề án	Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	V.06.02.05	12 năm	Thạc sĩ	Địa chất thăm dò khoáng sản	TC	Điều tra viên TNMT hạng II		Công tác mẫu đề án Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản KCCN vùng Trung Trung Bộ thuộc Đề án "Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản vùng Trung Trung Bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội"	
60	Đặng Quốc Huy	13/06/1983		Chủ nhiệm đề án	Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	V.06.02.05	10 năm	Cử nhân	Địa chất thăm dò khoáng sản	TC	Điều tra viên TNMT hạng II		Tổng quan về Đề án Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản đá khối làm ốp lát vùng Trung Trung Bộ thuộc Đề án "Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản vùng Trung Trung Bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội"	
61	Lê Văn Hoàn	01/01/1964		Chủ nhiệm đề án	Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	V.06.02.04	30 năm	Kỹ sư	Địa chất thăm dò khoáng sản	TC	Điều tra viên TNMT hạng II		Tổng quan Đề án thành phần "Lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 nhóm tờ Con Cuông 1" thuộc Đề án "Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ tỷ lệ 1:50.000 vùng Tây Bắc phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội"	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
62	Triệu Trung Kiên	05/12/1985		Chủ nhiệm đề án	Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	V.06.02.05	0	Thạc sĩ	Địa chất thăm dò khoáng sản	TC	Điều tra viên TNMT hạng II		Tổng quan Đề án thành phần "Điều tra, đánh giá vàng và các khoáng sản đi kèm phần phía Đông Bắc đứt gãy Sông Hồng" thuộc Đề án "Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ tỷ lệ 1:50.000 vùng Tây Bắc phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội"	
63	Nguyễn Cảnh Nho	02/05/1964		Đoàn trưởng Đoàn Địa chất 505	Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	V.06.02.05	28 năm	Kỹ sư	Địa chất thăm dò khoáng sản	TC	ĐTV TNMT II		Môi trường phóng xạ và tác động của chúng đối với đời sống xã hội thuộc Dự án Điều tra, đánh giá hiện trạng môi trường phóng xạ tại một số khu vực có dị thường phóng xạ trên địa bàn các tỉnh Kon Tum, Gia Lai và Lâm Đồng, đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác hại của môi trường phóng xạ"	

II. Địa phương

1	Lưu Xuân Hùng	10/26/1981		Phó Chi cục trưởng	Chi cục BVMT, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh	01.003	16 năm	Thạc sĩ	Địa chất khoáng sản và thăm dò	CC	CVC		
2	Lê Đức Thọ	8/26/1975		Phó Chi cục trưởng	Chi cục BVMT, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh	01.003	19 năm	Thạc sĩ	Sinh học	CC	CVC		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
3	Trần Chung	4/21/1981		Phó Chi cục trưởng	Chi cục BVMT, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh	01.003	16 năm	Thạc sĩ	Khoa học Môi trường	CC	CVC			
4	Nguyễn Tiến Bình	5/1/1977		Chuyên viên	Chi cục BVMT, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh	01.003	20 năm	Thạc sĩ	Khoa học Môi trường	TC	CVC			
5	Đàm Ngân	11/11/1981		Chuyên viên	Chi cục BVMT, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh	01.003	16 năm	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	TC	CVC			
6	Nguyễn Đức Hiếu	10/4/1979		Chuyên viên	Chi cục BVMT, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh	01.003	19 năm	Thạc sĩ	Khoa học Môi trường	TC	CVC			
7	Trương Thị Bích Phượng		3/29/1983	Chuyên viên	Chi cục BVMT, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh	01.003	15 năm	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	TC	CVC			
8	Trần Thị Ninh		7/7/1985	Chuyên viên	Chi cục BVMT, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh	01.003	15 năm	Thạc sĩ	Sử dụng và Bảo vệ Tài nguyên môi trường	TC	CVC			
9	Huỳnh Tường Vy		31/1/1983	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Nông, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông	01.002 (Chuyên viên chính)	14 năm	Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường	CC	CVC	Nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, cấm săn bắt, tiêu thụ động vật hoang dã		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
10	Nguyễn Văn Hải	19/2/1982		Phó Chi cục trưởng	Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Nông, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông	01.003 (Chuyên viên)	13 năm	Thạc sỹ	Kỹ thuật môi trường	TC	CVC		- Nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu. '- Bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp và các văn bản pháp lý về bảo vệ môi trường.	
11	Nguyễn Đức Lộc	12/6/1978		Chuyên viên	Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Nông, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông	01.003 (Chuyên viên)	14 năm	Thạc sỹ	Lâm sinh - QLĐDSH	TC	CVC		- “Giám sát đa dạng sinh học có sự tham gia - Hướng dẫn thu thập số liệu trên hiện trường” '- Các giải pháp quản lý bảo tồn bền vững đa dạng sinh học - REDD+ '- Tình hình biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường - Giải pháp khắc phục. '- Phương pháp canh tác trên đất dốc	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
12	Trần Thị Minh Châu		16/1/1983	Chuyên viên	Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Nông, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông	01.002 (Chuyên viên chính)	13 năm	Kỹ sư; Thạc sỹ	Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Kinh tế	TC	CVC		<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu. '- Thanh niên chung tay bảo vệ môi trường giảm thiểu rác thải nhựa. '- Rác thải nông thôn và phân loại rác tại nguồn. '- Bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp và các văn bản pháp lý về bảo vệ môi trường. '- Học sinh với bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu. 	
13	Lê Phú Đồng	17/5/1981		Trưởng phòng Tư vấn và Chuyên giao công nghệ	Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương	V.06.05.14	15 năm	Thạc sỹ	Hóa Học	TC	Quan trắc viên hạng II	có	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo thực tập hóa môi trường cho sinh viên Trường cao đẳng Hải Dương - Giảng dạy lớp đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Soạn chương trình thực tập cho sinh viên Trường cao đẳng Hải Dương - Soạn bài giảng cho lớp nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu
14	Vũ Mạnh Tường	4/18/1981		Chi cục trưởng	Chi cục BVMT, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương	1,003	17 năm	Đại học; Thạc sỹ	Thủy văn - Môi trường; Kỹ sư kỹ thuật môi trường	CC	Chuyên viên		Báo cáo viên cấp tỉnh	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
15	Nguyễn Phúc Đình	11/10/1972		Trưởng phòng HC-TH	Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương	V 06.01.02	27 năm	Kỹ sư	Nông học (Nông hóa thổ nhưỡng)	TC	Địa chính viên hạng II		Lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	Báo cáo Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Hải Dương giai đoạn 2000-2010, báo cáo Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các huyện Kinh Môn, Thanh Hà, Nam Sách; Báo cáo Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các xã các giai đoạn
16	Phạm Thị Quế		9/10/1974	Viên chức Tổ Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương	V 06.01.02	23 năm	Cử nhân	Địa chính	TC	Địa chính viên hạng III		Lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã	Báo cáo Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các huyện Thanh Hà, Nam Sách các giai đoạn; Báo cáo Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các xã các giai đoạn
17	Phạm Thị Vân Anh		3/21/1974	Viên chức Tổ Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương	V 06.01.02	24 năm	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Địa chính viên hạng III		Lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã	Báo cáo Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Kim Thành các giai đoạn; Báo cáo Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các xã các giai đoạn
18	Phạm Thị Huệ		11/20/1979	Viên chức Tổ Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương	V 06.01.02	19 năm	Kỹ sư	Quản lý đất đai		Địa chính viên hạng III		Lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã	Báo cáo Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các huyện Tứ Kỳ, Kim Thành các giai đoạn; Báo cáo Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các xã các giai đoạn

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
19	Nguyễn Thị Hồng		9/7/1984	Viên chức Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật	Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương	V 06.06.17	14 năm	Kỹ sư	Trắc địa		Đo đạc bản đồ viên hạng III		Lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã	Báo cáo Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Thanh Miện; Báo cáo Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các xã
20	Hứa Thị Mỹ Hương		6/27/1983	Viên chức Tổ Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương	V 06.06.17	14 năm	Kỹ sư	Trắc địa		Đo đạc bản đồ viên hạng III		Lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã	Báo cáo Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Thanh Miện; Báo cáo Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các xã
21	Phan Đình Hùng	10/12/1983		Phó trưởng phòng Biển, Đảo và Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình	01.003	14 năm	Thạc sĩ	Kinh tế và quản lý thủy sản	CC	CVC		Tập huấn Luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo	Tài liệu tập huấn Luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo.
22	Nguyễn Thế Vinh	23/6/1977		Phó trưởng phòng Quản lý đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình	01.002	18 năm	Thạc sĩ Kinh tế	Thạc sĩ kinh tế, Kỹ sư Quản lý Đất đai	CC	CVC		Tập huấn các Chuyên đề: Quản lý nhà nước về đất tôn giáo; Quản lý nhà nước về quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất; Quản lý nhà nước về đất đai.	Tài liệu tập huấn các Chuyên đề: Quản lý nhà nước về đất tôn giáo; Quản lý nhà nước về quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất; Quản lý nhà nước về đất đai.
23	Nguyễn Xuân Dũng	20/02/1963		Trưởng phòng Quản lý môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình	01.003	34 năm	Kỹ sư	Xây dựng	CC	CVC		Tập huấn Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường	Tài liệu tập huấn Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường
24	Lê Hải Thành	12/8/1979		Phó trưởng phòng Quản lý môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình	01.003	12 năm	Thạc sĩ	Sinh học	CC	CV		Tập huấn Luật Bảo vệ môi trường, Hướng dẫn Tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới	Tài liệu tập huấn Luật Bảo vệ môi trường, Hướng dẫn Tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới
25	Nguyễn Văn Chung	19/6/1979		Chuyên viên phòng Quản lý môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình	01.003	09 năm	Thạc sĩ	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	TC	CV		Đào tạo nghiệp vụ BVMT trong kinh doanh xăng dầu	Tài liệu Đào tạo nghiệp vụ BVMT trong kinh doanh xăng dầu

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
26	Trần Thị Lâm Oanh		2/12/1980	Chuyên viên phòng Quản lý môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình	01.003	18 năm	Thạc sĩ	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	TC	CV		Hướng dẫn Tiêu chuẩn chỉ môi trường trong xây dựng nông thôn mới	Tài liệu Hướng dẫn Tiêu chuẩn chỉ môi trường trong xây dựng nông thôn mới
27	Đặng Thị Thu Thủy		11/10/1978	Viên chức	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình	V.06.02.05	15 năm	Thạc sĩ	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	TC	CV		Tập huấn Luật Bảo vệ Môi trường, Hướng dẫn Tiêu chuẩn chỉ môi trường trong xây dựng nông thôn mới, Công tác Bảo vệ môi trường cấp cơ sở, Đào tạo nghiệp vụ BVMT trong kinh doanh xăng dầu	Tài liệu Tập huấn Luật Bảo vệ Môi trường, Hướng dẫn Tiêu chuẩn chỉ môi trường trong xây dựng nông thôn mới, Công tác Bảo vệ môi trường cấp cơ sở, Đào tạo nghiệp vụ BVMT trong kinh doanh xăng dầu

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
28	Nguyễn Thị Vi		06/7/1976	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Biển và Hải đảo, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá	01.003	20 năm	Thạc sĩ	Môi trường	TC	CV	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy, tập huấn hướng dẫn triển khai thực hiện Luật BVMT, Nghị định, Thông tư hướng dẫn - Tập huấn thực hiện Tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới cho cán bộ phụ trách cấp xã - Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cho cán bộ cấp huyện, cấp xã 		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
29	Trịnh Ngọc Dũng	31/8/1982		Phó Chi cục trưởng	Chi cục Biển và Hải đảo, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá	01.003	14 năm	Thạc sĩ	Môi trường; Kỹ thuật biển	TC	CVC		<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lớp tập huấn về triển khai thực hiện Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; các quy định về bảo vệ môi trường biển và hải đảo và ứng phó biến đổi khí hậu - Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cho cán bộ cấp xã, cấp huyện 	
30	Nguyễn Thị Minh Huệ		25/6/1979	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá	01.002	13 năm	Thạc sĩ	Quản lý môi trường	CC	CVCC		Luật và công tác quản lý môi trường	
31	Nguyễn Thị Thuý		12/4/1982	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá	01.003	15 năm	Thạc sĩ	Hoá học	TC	CVC		Quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường	
32	Hoàng Thị Minh		09/9/1983	Trưởng phòng	Phòng Tổng hợp, Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá	01.002	15 năm	Thạc sĩ	Khoa học Môi trường	TC	CVCC		Quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường	
33	Nguyễn Quang Chiến	22/5/1980		Trưởng phòng	Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá	01.003	15 năm	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường	TC	CVC		Quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
34	Hoàng Thị Ngọc Quỳnh		25/8/1982	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổng hợp, Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá	01.003	15 năm	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường	TC	CVC		Quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường	
35	Trịnh Thị Dung		08/3/1983	Chuyên viên	Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá	01.003	15 năm	Thạc sĩ	Khoa học Môi trường	TC	CVC		Tập huấn thực hiện Tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới cho cán bộ phụ trách huyện, xã	
36	Cao Quang Diễn	02/08/1967		Trưởng phòng QLDD	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk	01.002	34 năm	Kỹ sư	Quản lý đất đai	CC	CVC			
37	Phạm Duy Toàn	10/08/1975		Chánh Thanh tra	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk	04.024	18 năm	Thạc sĩ	Nông nghiệp	CC	CVC			
38	Phạm Văn Phúc	19/11/1974		Trưởng phòng ĐKTK,ĐĐBĐ	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk	01.002	18 năm	Thạc sĩ	Nông nghiệp	CC	CVC			
39	Nguyễn Công Đình	23/10/1984		Trưởng phòng	Phòng Đo đạc, đăng ký và Kinh tế đất, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định	01.003	08 năm 3 tháng	Kỹ sư	Trắc địa; Quản lý đất đai	CC	CVC		Biên tập tài liệu và trực tiếp tham gia tập huấn 04 hội nghị: 02 hội nghị về công tác GPMB; 01 hội nghị về Thống kê kiểm kê; 01 hội nghị tập huấn cho cán bộ địa chính cấp xã	Tài liệu tập huấn

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
40	Nguyễn Thị Thu Hường		09/9/1977	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định	01.003	22 năm	Thạc sĩ	Khoa học Môi trường (cử nhân); Biến đổi khí hậu (thạc sĩ)	CC	CVC		Phối hợp với Sở Nội vụ, đoàn thể chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh Nam Định để triển khai Luật Bảo vệ môi trường/Hướng dẫn tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Nam Định	
41	Trần Thị Thanh Thuý		09/9/1978	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định	01.002	14 năm	Cử nhân	Địa chất	CC	CVCC		Phối hợp với Sở Nội vụ, đoàn thể chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh Nam Định để triển khai Luật Bảo vệ môi trường/Hướng dẫn tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Nam Định	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, chức danh	Đơn vị công tác	Mã số CDNN hoặc ngạch hiện giữ	Thời gian giữ CDNN hạng III hoặc tương đương	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng					Kinh nghiệm liên quan đến nội dung tham gia giảng dạy	Tên chương trình, tài liệu, sách tham khảo đã tham gia biên soạn
		Nam	Nữ					Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ LLCT (nếu có)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN hoặc ngạch	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (nếu có)		
42	Trần Thị Kim Phượng		10/7/1986	Chuyên viên	Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định	01.003	12 năm	Cử nhân	Khoa học môi trường	TC	CVC		Hướng dẫn tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; trách nhiệm quản lý nhà nước về môi trường của UBND cấp huyện, xã; hướng dẫn phân loại, thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt	
43	Phạm Thị Trang		10/12/1987	Chuyên viên	Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định	01.003	12 năm	Thạc sĩ	Khoa học môi trường	TC	CVC		Triển khai các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh và UBND các huyện/thành phố trên địa bàn tỉnh Nam Định	